

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML22B4** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01074** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục thể chất**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2255202052010	Quách Võ Thái An	23/02/2007			7	6.0	7.0		7.0		6.8
2	2255202052011	Trần Hoài An	21/09/2006			10	9.0	10.0		9.0		9.2
3	2255202052012	Võ Quốc Anh	07/09/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2255202052013	Nguyễn Quang Gol	23/03/2007			9	7.0	9.0		8.0		8.1
5	2255202052014	Phạm Ngọc Hải	01/02/2007			9	8.0	9.0		9.0		8.8
6	2255202052015	Đoàn Quốc Khánh	17/04/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2255202052016	Trần Nguyễn Đăng Khoa	29/07/2007			8	8.0	8.0		9.0		8.6
8	2255202052017	Nguyễn Văn Kiên	09/04/2007			8	10.0	8.0		9.0		8.9
9	2255202052018	Trần Diệp Minh Nghĩa	19/02/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
10	2255202052019	Huỳnh Hoàng Nghiêm	12/09/2007			9	5.0	9.0		8.0		7.8
11	2255202052020	Cao Kiên Nhân	25/10/2006			8	6.0	8.0		8.0		7.7
12	2255202052021	Lê Phú Nhứt	30/01/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2255202052022	Trần Nguyễn Hữu Phát	12/04/2007			5	5.0	5.0		7.0		6.2
14	2255202052023	Đinh Oai Phong	09/11/2006			10	8.0	10.0		7.0		7.9
15	2255202052024	Nguyễn Đình Phong	21/12/2007			8	5.0	8.0		8.0		7.5
16	2255202052025	Khru Đặng Thiên Phú	21/07/2007			5	5.0	5.0		8.0		6.8
17	2255202052026	Lê Minh Phú	25/01/2007			10	7.0	10.0		10.0		9.5
18	2255202052027	Phan Thành Qui	09/10/2007			9	8.0	9.0		9.0		8.8
19	2255202052028	Bùi Tấn Tài	02/12/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
20	2255202052029	Võ Anh Tài	20/09/2007			9	8.0	9.0		8.0		8.2
21	2255202052030	Đoàn Hữu Thành	20/02/2007			8	7.0	8.0		9.0		8.4
22	2255202052031	Lê Phạm Minh Thành	30/05/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
23	2255202052032	Nguyễn Phước Trường	16/09/2007			9	6.0	9.0		8.0		7.9
24	2255202052033	Trần Vĩnh Khang	22/03/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
25	2255202052034	Trần Gia Kiệt	08/11/2004			10	8.0	10.0		9.0		9.1

Châu Đốc, ngày 29 tháng 11 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm